

Số: 17/TB-KTHT&ĐT

Vạn Xuân, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 trình HĐND phường

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào kết quả xây dựng dự toán ngân sách năm 2026;

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 trình HĐND phường với nội dung cụ thể sau:

(Có Thuyết minh và biểu số 103/CK TC-NSNN; 104/CK TC-NSNN; 105/CK TC-NSNN kèm theo)

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường công bố công khai số liệu theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND phường (báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT;

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Mạnh Dũng

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Đơn vị: Triệu đồng*

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	457.539	TỔNG SỐ CHI	457.539
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	13.800	I. Chi đầu tư phát triển	135.364
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	192.266	II. Chi thường xuyên	314.781
III. Thu bổ sung	251.473	III. Dự phòng	7.394
- Bổ sung cân đối ngân sách	93.539		
- Bổ sung có mục tiêu	157.934		
IV. Thu chuyên nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu			768.706	457.539		
I	Các khoản thu 100%			26.850	13.800		
1	Phí, lệ phí			3.600	1.760		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			1.550	1.550		
3	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			4.100	4.100		
4	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
5	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
6	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
8	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
9	Thu khác			17.600	6.390		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)			741.856	192.266		
1	Các khoản thu phân chia			43.300	8.660		
1.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.3	Lệ phí trước bạ nhà, đất			43.300	8.660		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			698.556	183.606		
2.1	Thu tiền sử dụng đất			523.000	133.365		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			24.046	20.439		
2.3	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2.4	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
2.5	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
2.6	Thuế tài nguyên			200	30		
2.7	Thuế giá trị gia tăng			106.160	20.772		
2.8	Thuế thu nhập doanh nghiệp			18.150	3.600		
2.9	Thuế thu nhập cá nhân			27.000	5.400		
2.10	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			0	251.473		
1	Thu bổ sung cân đối				93.539		
2	Thu bổ sung có mục tiêu				157.934		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI				457.539	135.364,0	322.175,0			
	Trong đó:				0					
1	Chi giáo dục, đào tạo				220.898	50.200,0	170.697,9			
2	Chi sự nghiệp khoa học- công nghệ				1.406	100,0	1.306,0			
3	Chi y tế				0					
4	Chi văn hóa, thông tin				1.610	150,0	1.460,0			
5	Chi phát thanh, truyền thanh				225		225,0			
6	Chi thể dục, thể thao				270		270,0			
7	Chi bảo vệ môi trường				3.391		3.391,0			
8	Chi các hoạt động kinh tế				101.252	84.914,0	16.338,1			
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				36.583		36.583,0			
10	Chi cho công tác xã hội				79.243		79.243,0			
11	Chi khác				5.267		5.267,0			
12	Dự phòng				7.394		7.394,0			

THUYẾT MINH

Tình hình công khai dự toán thu- chi ngân sách Nhà nước phường Vạn Xuân năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: 17/TB-KTHT&ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2025).

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo thuyết minh Dự toán ngân sách năm 2026 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Đặc điểm tình hình

Phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên có diện tích 40,2 km², tổng dân số 61.610 người; tiếp giáp phường Phổ Yên, phường Trung Thành, xã Thành Công, xã Diềm Thụy tỉnh Thái Nguyên và xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

II. Căn cứ xây dựng, nguyên tắc xây dựng dự toán,

1. Căn cứ xây dựng toán thu chi ngân sách năm 2025 phường Vạn Xuân.

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 -2028;.

- Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 24/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- Công văn số 1791/STC-QLNS&TH, ngày 15/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2026-2028.

- Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

- Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm

(%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

- Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

- Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 tỉnh Thái Nguyên;

2. Nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách năm 2025 phường Vạn Xuân.

- Dự toán thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2026 đảm bảo đúng hướng dẫn của Trung ương và của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh Thái Nguyên.

- Dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo các quy định của pháp luật. Số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/12/2025 và được xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, đảm bảo chế độ an sinh xã hội, giáo dục đào tạo.....

3. Tiêu chí phân bổ.

3.1. Khối QLNN:

a. Chi cho con người: Căn cứ vào số biên chế hiện có đến thời điểm 01/12/2025 của từng cơ quan đơn vị để xác định các khoản chi cho con người trên nguyên tắc đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/ tháng, phụ cấp công vụ 25%. Kinh phí BHXH (*phần nhà nước đóng cho người lao động*) được tính với mức 20,5%.

b. Đối với định mức chi khác: 28 triệu/người/năm.

c. Các khoản chi chuyên môn: Trên cơ sở định mức của Tỉnh quy định, các khoản chi chuyên môn được ưu tiên phân bổ cho các nhiệm vụ phục vụ chung cho công tác cải cách hành chính của các đơn vị thường trực cụ thể: Kinh phí thực hiện hoạt động chuyên môn của HĐND- UBND (Bao gồm cả tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, vận hành xe công...) 1.700 triệu đồng; Kinh phí đảm bảo hoạt động, phục vụ công tác đăng ký kinh doanh; các nghiệp vụ chuyên môn của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị 150 triệu đồng; Kinh phí phục vụ cho hoạt động phòng chống thiên tai, dịch bệnh 200 triệu đồng; Kinh phí phục vụ hoạt động chuyên môn của phòng Văn hóa- Xã hội 150 triệu đồng;

- Hỗ trợ hoạt động An ninh- Quốc phòng: 750 triệu đồng/năm.

d. Đối với các khoản chi đặc thù: Để đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ chuyên môn phát sinh trong năm.

3.2. Khối Đảng, Đoàn thể:

a. Chi cho con người: Căn cứ vào số biên chế hiện có đến thời điểm 01/12/2025 của từng cơ quan đơn vị để xác định các khoản chi cho con người trên

nguyên tắc đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/ tháng, phụ cấp công vụ 25%, phụ cấp công tác đảng. Kinh phí BHXH (*phần nhà nước đóng cho người lao động*) được tính với mức 20,5%.

b. Đối với định mức chi khác: 28 triệu/người/năm.

c. Đối với các khoản chi đặc thù: Để đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ chuyên môn phát sinh trong năm, UBND phường giao bổ sung ngoài định mức dự toán chi bình quân cho các cơ quan. Kinh phí hoạt động của văn phòng (Đã bao gồm kinh phí thực hiện theo Quyết định số 72-QĐ/TU ngày 18/07/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên) 1.500 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết MTTQ phường 30 triệu đồng/năm; Các tổ dân phố 8 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân: 25 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hoạt động của Ban giám sát cộng đồng: 50 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội (MTTQ 65 triệu đồng/năm; các đoàn thể chính trị- xã hội 55 triệu đồng/năm).

3.3. Chi cho các đơn vị sự nghiệp:

a. Trung tâm chính trị:

+ **Chi cho con người:** Căn cứ vào số biên chế hiện có đến thời điểm 01/12/2025 của đơn vị để xác định các khoản chi cho con người trên nguyên tắc đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/tháng. Kinh phí BHXH (*phần nhà nước đóng cho người lao động*) được tính với mức 20,5%.

+ **Đối với định mức chi khác:** 30 triệu/người/năm.

+ **Chi cho công tác đào tạo lại:** 441.535 triệu đồng.

b. Trung tâm dịch vụ tổng hợp:

- **Chi cho con người:** Căn cứ vào số biên chế hiện có đến thời điểm 01/12/2025 của đơn vị để xác định các khoản chi cho con người trên nguyên tắc đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/tháng. Kinh phí BHXH (*phần nhà nước đóng cho người lao động*) được tính với mức 20,5%.

- **Đối với định mức chi khác:** 25 triệu/người/năm.

- **Chi cho sự nghiệp theo mức là:**

+ Chi sự nghiệp văn hóa- thông tin: 400.000.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 300.000.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp PTTH: 250.000.000 đồng.

3.4. Đối với chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo:

a. Khối giáo dục.

- **Chi cho con người:** Căn cứ vào số biên chế hiện có đến thời điểm 01/12/2025 của đơn vị để xác định các khoản chi cho con người trên nguyên tắc đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo mức lương tối thiểu 2,34 triệu đồng/tháng. Kinh phí BHXH (*phần nhà nước đóng cho người lao động*) được tính với mức 21,5%.

- **Định mức chi khác:** Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ % giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp với số biên chế của từng cấp học, được xác định trên mức lương cơ sở 1.490.000 đồng. Cụ thể: Đối với trường có dưới 30 biên chế, định mức 80/20; Đối với trường có 30 biên chế trở lên, định mức 81/19.

- Đối với Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP hỗ trợ hoạt động thường xuyên 03 triệu đồng/hợp đồng/năm;

- Hợp đồng khoán giảng dạy : 03 triệu đồng/10 định mức/năm học.

b. Trung tâm học tập cộng đồng: Hỗ trợ 35 triệu đồng/trung tâm/năm (Bao gồm chế độ phụ cấp và kinh phí hoạt động)

III. Dự toán thu- chi ngân sách phường Vạn Xuân năm 2026

1. Dự toán thu ngân sách:

1.1. Tổng thu NSNN trên địa bàn:

- Tổng thu NSNN trên địa bàn theo dự toán tỉnh giao là: **768.706 triệu đồng.**

- *Tổng thu NSNN trên địa bàn theo dự toán thu ngân sách HĐND phường giao là: 768.706 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao.*

1.2. Tổng dự toán thu cân đối NSDP:

a. Tổng dự toán thu cân đối NSDP theo dự toán tỉnh giao là: **457.539 triệu đồng.**

b. Tổng dự toán thu cân đối NSDP theo dự toán HĐND phường giao là: **457.539 triệu đồng.** Trong đó:

- Thu hưởng theo tỷ lệ điều tiết trên địa bàn của NSDP là: 206.066 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách là: 251.473 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách:

2.1. Tổng dự toán chi cân đối NSDP theo dự toán tỉnh giao là: **457.539 triệu đồng.**

2.2. Tổng dự toán chi cân đối NSDP theo dự toán HĐND phường giao là: **457.539 triệu đồng.** Trong đó:

- Chi đầu tư là: 135.364 triệu đồng (*Trong đó từ nguồn vốn XDCCB tập trung 2.000 triệu đồng, từ nguồn thu tiền sử dụng đất 133.364 triệu đồng*).

- Chi thường xuyên: 314.781 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 7.394 triệu đồng.

IV. Triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2026

1. Về giao dự toán ngân sách

Ngay sau khi HĐND phường có Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách năm 2026, UBND phường phân bổ dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Dự toán chi ngân sách quán triệt tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo an sinh xã hội. Xây dựng dự toán ngân sách thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản quy định hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

2. Giải pháp điều hành ngân sách

2.1. Đối với thu ngân sách:

2.1.1. Đối với thu tiền cấp quyền sử dụng đất:

Giao cho phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, đôn đốc các nhà đầu tư thực hiện các dự án ngoài ngân sách lập phương án tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt. Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tiếp tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ dân trong khu dân cư nông thôn có nhu cầu chính đáng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tăng thu tiền cấp quyền sử dụng đất. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế sử dụng đất. Đồng thời, xử lý kiên quyết các trường hợp vi phạm về sử dụng đất nhằm lập lại kỷ cương trong quản lý đất đai và tăng thu tiền cấp quyền sử dụng đất cho ngân sách.

Đề nghị Thuế cơ sở 2 tỉnh Thái Nguyên phối hợp với phường nhằm đôn đốc các chủ đầu tư, các hộ dân được chuyển mục đích sử dụng đất còn nợ tiền sử dụng đất nộp vào NSNN.

2.2.2. Đối với thu thuế, phí, lệ phí và thu khác:

* Đề nghị Thuế cơ sở 2 tỉnh Thái Nguyên chủ trì:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn các nội dung liên quan đến chế độ chính sách thuế thay đổi, phát sinh mới đến đối tượng nộp thuế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật thuế, nhất là các doanh nghiệp có số thu lớn, các doanh nghiệp thực hiện theo hình thức tự khai, tự nộp, thực hiện điều chỉnh thuế cho phù hợp với thực tế.

- Phối hợp với Công an phường, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường quản lý chặt chẽ, thu kịp thời thuế, phí có liên quan đến kinh doanh vận tải, khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn vào NSNN.

- Phối hợp với UBND phường tổ chức thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đúng quy định, thu phí, lệ phí theo thực tế phát sinh.

* Trung tâm dịch vụ tổng hợp: Tăng cường công tác tuyên truyền các chế độ chính sách thuế mới; các gương người tốt, việc tốt, tiêu biểu liên quan đến thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp....

* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn thu tại đơn vị theo đúng quy định.

* Các ngành liên quan cần tập trung tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động đề ra các giải pháp tích cực trong công tác tổ chức thu đối với những nguồn

thu hiện có; khai thác tốt các nguồn thu mới phát sinh... đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời vào NSNN.

2.2. Đối với chi ngân sách:

- Căn cứ vào dự toán được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí, sắp xếp, phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026 tại đơn vị mình cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trong chi ngân sách phải thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Đảm bảo chi theo các chính sách, chế độ cho con người, các khoản chi đảm bảo an sinh xã hội được giao, sau đó mới bố trí chi cho các nhiệm vụ khác.

- Tiếp tục thực hiện việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí theo quy định. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình, thông qua hội nghị cán bộ công chức trong đơn vị để làm cơ sở quản lý các khoản chi ngân sách. Thủ trưởng các đơn vị tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng ngân sách được giao.

- Các cơ quan đơn vị trên địa bàn phường phải thực hiện tốt việc thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện công khai minh bạch việc quản lý và sử dụng các nguồn ngân sách, tài sản công tại đơn vị theo đúng Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính... Thực hiện chi trả các chế độ cho các chức danh và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn theo đúng Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

- Đối với nguồn vốn đầu tư XDCCB và các nguồn vốn có tính chất XDCCB: Các đơn vị tăng cường công tác giải ngân vốn đầu tư XDCCB. Năm 2026 việc điều hành tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên sau: Ưu tiên trả nợ cho các dự án đầu tư đã hoàn thành và có quyết định phê duyệt quyết toán, bố trí vốn khởi công mới theo quy định